TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2024
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Minh Hoàng
2/. Ông Lê Văn Lil

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa*:* Ông Lê Quốc Huy, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2024/TLST - HN ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc "tranh chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu N, sinh năm 1986
Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau

2/. Bị đơn: Anh Huỳnh Vũ C, sinh năm 1989
Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

(Chị N có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Thu N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Huỳnh Vũ C Vợ chồng cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo chị N xác định: thời gian đầu sống chung với nhau thì cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng thời gian sau cuộc sống của vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chồng chị còn bạo hành đối với chị. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn.

Về quan hệ con chung: chị Trần Thị Thu N xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày: 03/3/2013 và Huỳnh Như N2, sinh ngày: 15/01/2017. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi con chung và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Đối với anh Huỳnh Vũ C: Mặc dù anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh C vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh C theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Huỳnh Vũ C chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa chị N và anh C kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Từ lúc chị N và anh C ly thân thì 02 người con là Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày: 03/3/2013 và Huỳnh Như N2, sinh ngày: 15/01/2017 sống cùng với chị N đến nay. Chị N vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này, đồng thời nguyện vọng của người con là Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày: 03/3/2013 và Huỳnh Như N2, sinh ngày: 15/01/2017 cũng mong muốn được tiếp tục sống cùng với chị N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao người con là Huỳnh Thị

Kim N1, sinh ngày: 03/3/2013 và H như N1, sinh ngày: 15/01/2017 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị N và anh C không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh C. Anh C có địa chỉ cư trú tại huyện Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông Hải.

Chị N có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N.

Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh C vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

[2] Về nội dung vụ án: giữa chị N và anh C kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/01/2013 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh C thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống chị N và anh C lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân trong nhiều tháng qua. Trong thời gian này cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho

nhau. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của chị N và anh C là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh C là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc chị N và anh C ly thân thì người con là Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày: 03/3/2013 và Huỳnh Như N2, sinh ngày: 15/01/2017 sống cùng với chị N đến nay. Chị N vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này, đồng thời nguyện vọng của người con là Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày: 03/3/2013 và Huỳnh Như N2, sinh ngày: 15/01/2017 cũng mong muốn được tiếp tục sống cùng với chị N. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 người con là Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày: 03/3/2013 và Huỳnh Như N2, sinh ngày: 15/01/2017 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị N và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận,

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu N; Xử cho chị Trần Thị Thu N được ly hôn với anh Huỳnh Vũ C.

2/. Về nuôi con chung: Giao 02 người con là Huỳnh Thị Kim N1, sinh ngày: 03/3/2013 và Huỳnh Như N2, sinh ngày: 15/01/2017 cho chị Trần Thị Thu N được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Anh C có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Trần Thị Thu N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010210 ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Trần Thị Thu N và anh Huỳnh Vũ C biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng